

**VẬT LIỆU TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM TRONG
THỜI TRANG SINH THÁI**
**Trường hợp vải gai dầu nhuộm chàm của người H'mông
vùng núi phía Bắc Việt Nam**

TS. Bùi Mai Trinh¹, Đặng Thu Phương²

¹Trường Đại học Mỹ thuật công nghiệp

²Học viên cao học Trường Đại học Mỹ thuật công nghiệp

Tác giả liên hệ: Phuongdang.costume@gmail.com

Ngày nhận: 25/5/2022

Ngày nhận bản sửa: 28/5/2022

Ngày duyệt đăng: 24/6/2022

Tóm tắt

Thời trang sinh thái là xu hướng đang được quan tâm trên toàn thế giới. Tính sinh thái trong lĩnh vực thời trang có thể được tiếp cận từ nhiều hướng khác nhau. Sử dụng vật liệu có nguồn gốc tự nhiên, như vải gai dầu nhuộm chàm bằng phương pháp truyền thống của người H'mông, là một trong những cách tiếp cận được nhiều nhãn hàng sinh thái Việt Nam theo đuổi. Bài viết này thực hiện các phương pháp nghiên cứu định tính, đi sâu tìm hiểu đặc tính của vải chàm của người H'mông, sự phù hợp và những ứng dụng thiết kế của nó trong thời trang sinh thái. Sử dụng vật liệu truyền thống trong thiết kế trang phục hiện đại không chỉ đáp ứng được tính sinh thái, mà còn mang giá trị thẩm mỹ và văn hóa bản địa sâu sắc, làm nên “mã gen” đặc trưng cho thương hiệu thời trang Việt. Trong bối cảnh tính sinh thái đang dần trở thành một trong các tiêu chí thiết yếu của sản phẩm ứng dụng trên qui mô toàn cầu, hướng tiếp cận này là phương thức đem lại triển vọng tốt trong tương lai thời trang Việt Nam.

Từ khóa: *Vải chàm, thời trang sinh thái, vật liệu tự nhiên, vật liệu truyền thống, H'mông.*

VIETNAMESE TRADITIONAL TEXTILE IN ECO-FASHION

The case of indigo-dyed hemp fabric of the H'mong people in the Northern mountains of Vietnam

Abstract

Eco-fashion becomes increasingly attracted world-wide. Fashion's ecology varies by approaches. One among those is using natural materials, i.e. indigo-dyed hemp fabric traditionally made by H'mong people, the approach which is pursued by many Vietnamese eco-fashion brands. This paper applies qualitative research methods, analyses deeply into the characteristics of the H'mong indigo fabric, its suitability and its design applications in eco-fashion. Using traditional materials in modern clothes design not only embeds the ecology, but also shines aesthetic values and local culture, creating the specialities for Vietnamese fashion brands. While ecology is increasingly considered an essential criterion in globally applied products the approach opens better prospects for the future of Vietnamese fashion.

Keywords: *Indigo fabric, eco-fashion, natural textile, traditional textile, H'mong.*

1. Giới thiệu

Ô nhiễm môi trường đang là một trong những vấn đề quan trọng hàng đầu thế giới hiện nay. Nhất là, sau đại dịch Covid-19, lượng rác thải y tế và rác thải thương mại điện tử tăng vọt, tạo ra gánh

nặng lớn lên môi trường. Tháng 3/2022, Ủy ban Châu Âu EC (European Commission) đã đưa ra một số quy định mới áp dụng cho các loại mặt hàng tiêu dùng, trong đó có may mặc nhằm hạn chế tác động xấu đến môi trường của các ngành sản xuất và xuất

nhập khẩu [1]. Chiến lược tăng trưởng xanh của Chính phủ Việt Nam cũng coi sản xuất xanh là một trong những nội dung quan trọng có tác động tích cực tới môi trường. Điều này được thể hiện chi tiết trong Nghị quyết số 136/NQ-CP của Chính phủ về Phát triển bền vững được ban hành vào ngày 25/9/2020. Như vậy, các tổ chức và quốc gia trên toàn cầu, cũng như Việt Nam đều đang hướng tới thực hiện tiêu dùng sinh thái và ngành công nghiệp thời trang cũng không nằm ngoài các mục tiêu đó. Thậm chí, trước đại dịch, thời trang đã là một trong những ngành công nghiệp gây ảnh hưởng tiêu cực nhất đến môi trường. Trung bình mỗi năm ngành công nghiệp này xả thải 3.990 triệu tấn các-bon (CO₂) ra môi trường [2], hơn 42.500 triệu tấn vi nhựa vào đại dương [3] và tiêu thụ 79 nghìn tỷ lít nước [4]. Trước những nguy cơ ô nhiễm nghiêm trọng này, ngành thời trang cần định hướng phát triển một cách bền vững hơn, để “không làm ảnh hưởng tới các thế hệ tương lai trong việc đáp ứng nhu cầu của chính họ” [5]. Thiết kế thời trang sinh thái là một trong những cách tiếp cận quan tâm đến môi trường, một trong ba trụ cột quan trọng của phát triển bền vững của Liên hợp quốc.

Giáo sư Kirsi Niinimäki định nghĩa: Thiết kế sinh thái là “một quá trình thiết kế chú trọng xem xét các yếu tố tác động đến môi trường trong suốt thời gian tồn tại của sản phẩm, từ nguyên liệu thô đến quy trình sản xuất và sử dụng, cho đến hết vòng đời sản phẩm” [6]. Theo Giáo sư Kate Fletcher, thời trang sinh thái cũng có thể hiểu là trang phục được sản xuất để có thể sử dụng lâu dài, được làm từ vật liệu tái chế hoặc vật liệu có dán nhãn sinh thái, có thể được sản xuất ở các vùng bản địa và ít gây ra tác động xấu tới môi trường [7]. Như vậy, có thể thấy tiêu chí thân thiện với môi trường là yếu tố quan trọng nhất trong thời trang sinh thái. Bên cạnh đó, các tiêu chí liên quan đến khía cạnh công năng, thẩm mỹ và tính thời đại cũng là những tiêu chí quan trọng để các sản phẩm thời trang sinh thái có được sức hút với khách hàng. Nói cách khác, nếu một sản phẩm có công năng và thẩm mỹ tốt, phù

hợp với xu hướng hiện đại, nhưng quá trình sản xuất, sử dụng và thải bỏ gây ảnh hưởng tới môi trường thì không phải là một sản phẩm đạt các tiêu chí thiết kế sinh thái.

Có nhiều cách để tiếp cận thời trang sinh thái như: ứng dụng khoa học kỹ thuật trong chế tạo vật liệu sinh học; tích hợp các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 vào thiết kế nhằm giảm việc sử dụng các nguồn lực trong sản xuất; tăng cường tái chế vật liệu may mặc ở quy mô công nghiệp; sử dụng nguyên vật liệu tự nhiên. Trong số đó, tiếp cận bằng nguyên vật liệu tự nhiên là cách làm đang được cộng đồng thiết kế và người tiêu dùng hưởng ứng. Cách tiếp cận này có thể ứng dụng ở nhiều quy mô sản xuất và với vốn đầu tư ban đầu không quá cao.

Hiện tại, nhiều nhà thiết kế thời trang sinh thái Việt Nam đang thiết kế trang phục bằng vật liệu tự nhiên có khả năng phân hủy sinh học hoàn toàn và không gây gánh nặng cho môi trường khi chúng đã lỗi thời hoặc hết giá trị sử dụng. “Theo quan điểm của sinh thái học dệt may, bản thân các vật liệu thân thiện với môi trường không bị ô nhiễm và sẽ không tác động xấu tới môi trường trong quá trình sản xuất. Nó không chỉ vô hại đối với cơ thể, mà còn phù hợp với sinh thái và có lợi cho con người” [8]. Vì vậy, nhiều loại vải dệt từ sợi có nguồn gốc tự nhiên đã được sử dụng như bông hữu cơ, sợi lanh, sợi gai dầu, sợi gai xanh, sợi dứa, sợi tre, tơ sen, tơ tằm, v.v. Trong số vải có nguồn gốc tự nhiên, vải gai dầu nhuộm chàm theo phương pháp truyền thống của người H’mông là vật liệu đang được ứng dụng linh hoạt và hiệu quả hiện nay.

Người H’mông là một trong 54 dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam. Họ thường tụ cư ở những vùng núi cao hơn 1000m có địa thế hiểm trở và điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt. Họ chủ yếu phân bố ở các tỉnh Hà Giang, Lào Cai, Điện Biên, Sơn La, Lai Châu, Yên Bái, Cao Bằng. Dân tộc H’mông có nghề trồng cây gai dầu (một số tài liệu gọi là lanh hoặc lanh Mèo), dệt vải, vẽ sáp ong và nhuộm chàm nổi tiếng. Do các nhóm H’mông thường tin rằng họ có chung một nguồn cội, có thể hiểu ngôn ngữ

của nhau, nên họ cũng học tập và trao đổi kinh nghiệm làm nghề để tạo ra các tấm vải có chất lượng tốt hơn, bề mặt đẹp hơn, họa tiết và màu sắc sáng tạo hơn.

Quy trình tạo ra một tấm vải chàm hoàn chỉnh thường kéo dài hơn một năm. Bắt đầu từ khâu chuẩn bị nguyên liệu đó là cấy cảnh trồng chàm, gieo hạt trồng gai dầu, cho tới các khâu hoàn thiện như chuẩn bị xơ sợi, dệt vải, làm màu nhuộm, vẽ sáp ong và nhuộm vải. Từ khi trồng chàm đến khi thu hoạch phải mất gần một năm, gai dầu thì có chu kỳ ngắn hơn, khoảng hai tháng rưỡi đến ba tháng. Toàn bộ quy trình này đều được thực hiện thủ công hoàn toàn từ bàn tay của những người phụ nữ H'mông.

Người H'mông có ba loại vải chàm: vải nhuộm trơn, vải nhuộm trơn cán bóng và vải vẽ sáp ong kháng nhuộm. Vải nhuộm trơn được nhuộm hoàn toàn màu chàm. Theo quan điểm thẩm mỹ của từng nhóm H'mông mà màu chàm có thể ánh đen, ánh tím hoặc đậm nhạt khác nhau, nhưng nhìn chung, đều cần sắc độ màu đều đặn quân bình trên toàn bộ diện tích vải thì mới được coi là đẹp. Vải nhuộm trơn cán bóng là loại vải được cán nhiều lần bằng đá và sáp ong sau khi nhuộm hoàn tất. Vải vẽ sáp ong kháng nhuộm được vẽ các họa tiết truyền thống bằng sáp ong nóng chảy trước khi đưa vào nhuộm. Các khu vực bị sáp ong che phủ sẽ không thấm thuốc nhuộm và giữ nguyên màu trắng của nền vải. Sau khi hoàn thành việc nhuộm, người ta nấu chảy sáp ong để lộ ra các họa tiết sáng màu. Hầu như các loại vải chàm sản xuất thủ công của người H'mông đều đang được các nhà thiết kế thời trang sinh thái ứng dụng trong thiết kế và sản xuất.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này áp dụng phương pháp nghiên cứu định tính bằng cách xem xét dữ liệu thứ cấp từ các sách xuất bản, sách điện tử, bài báo và báo cáo khoa học, để có cái nhìn toàn diện về đề tài và đánh giá, xây dựng kế hoạch nghiên cứu sơ bộ. Bên cạnh đó, bài viết thu thập dữ liệu sơ cấp thông qua các chuyến khảo sát thực tế ở các tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang. Trong thời

gian khảo sát, những người dân bản địa đã chia sẻ cách thức họ làm việc để tạo ra tấm vải chàm thủ công, đồng thời, hỗ trợ nhóm nghiên cứu tiến hành thực nghiệm nhuộm vải chàm ở các điều kiện thời gian, thời tiết và nguyên liệu khác nhau. Qua đó, nhóm nghiên cứu kiểm chứng được các thông tin từ sách báo, thu thập dữ liệu về tính chất đặc trưng và quy trình hình thành với đầu vào và xả thải chi tiết của vật liệu.

Bài viết sử dụng cách tiếp cận theo hướng liên ngành văn hóa - xã hội và thiết kế mỹ thuật, để có thể đánh giá khách quan và toàn diện hơn những nguyên do và giá trị của việc ứng dụng vật liệu truyền thống của nước ta vào thiết kế thời trang hiện đại theo hướng bền vững hơn.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Đặc điểm vải gai dầu nhuộm chàm

Khi thiết kế sản phẩm thời trang, nguyên vật liệu là cơ sở vật chất quan trọng để tạo thành các loại trang phục. Các nhà thiết kế thời trang cần nắm vững các đặc tính của vật liệu để đưa ra phương án thiết kế mang lại hiệu quả tối ưu và hạn chế những tác động có hại. Điều này đặc biệt quan trọng trong quy trình thiết kế và sản xuất thời trang sinh thái.

Sợi gai dầu (tên tiếng Anh là “hemp”) là nguyên liệu để dệt nên vải truyền thống của người H'mông. Đây là sợi xơ thực vật (cellulose) có khả năng phân hủy hoàn toàn bởi vi sinh vật trong điều kiện tự nhiên, vì vậy, vật liệu không hề gây gánh nặng môi trường khi hết giá trị sử dụng và thải bỏ. Cây gai dầu là loại cây có thể trồng ở vùng đất khô cằn sỏi đá, ví dụ như Sapa, Lào Cai; Đồng Văn, Hà Giang; hay Mù Cang Chải, Yên Bái. Cây không cần các loại thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ để đạt năng suất tốt. Lượng nước tưới cho gai dầu không cần nhiều, chỉ cần nước mưa tự nhiên theo mùa. Như vậy, về mặt sinh thái, cây gai dầu ở vùng núi phía Bắc được trồng theo hướng hữu cơ. Về mặt cơ học, sợi gai dầu có độ bền cao và hầu như không có độ kéo giãn. Vì vậy, vải gai dầu thường được dùng để may các loại trang phục yêu cầu có tính định hình cao, tạo phom dáng tốt, điều này cũng hỗ

trợ cho chất lượng trang phục không bị biến dạng sau thời gian dài sử dụng. Loại sợi này có tính hút ẩm rất tốt, có nghĩa là, vải gai dầu có thể dễ dàng thấm hút mồ hôi, thoáng khí khi mặc. Tính chất này cũng đem lại hiệu quả rõ rệt cho các quy trình nhuộm với dung môi là nước như nhuộm chàm. Khi bị nhả màu, sợi gai dầu có thể hấp thụ độ ẩm tự nhiên để giãn nở các mạch đại phân tử, giúp vải dễ dàng trở về hình dạng cũ, nhất là, khi được là phẳng với nhiệt độ và hơi nước. Ngoài ra, kinh nghiệm thực tế của người dân bản địa cho thấy, vải gai dầu của người H'mông có khả năng chống nắng tốt và độ dày vải giữ ấm cho người mặc trong mùa đông. Loại vải truyền thống của người H'mông được dệt thoi bằng khung cửi gỗ. Vì dệt thủ công nên khổ vải chỉ khoảng 35 - 40 cm bề rộng. Đây là nhược điểm khi thiết kế trang phục, bởi thị trường hiện đại có nhiều loại vải công nghiệp khổ rộng hơn gấp 3 - 5 lần. Nhiều nhà thiết kế đã hình thành thói quen tư duy trên các vật liệu này, khi sử dụng vải dệt thủ công, họ buộc phải có những sáng tạo, đổi mới trong khâu thiết kế và sản xuất.

Chàm là một loại thuốc nhuộm có nguồn gốc từ thực vật. Người H'mông thường dùng cây chàm Mèo (tên khoa học là "Strobilanthes cusia") để lấy thuốc nhuộm. Cũng như cây gai dầu, cây chàm Mèo không cần các loại thuốc bảo vệ thực vật trong quá trình sinh trưởng, lượng nước tưới cho cây phần lớn đến từ nguồn nước mưa tự nhiên. Nhuộm chàm là quá trình nhuộm nguội, không có sự hỗ trợ của nhiệt độ cao. Đặc tính của chất chàm là không ngấm sâu vào lõi sợi mà bám thành các lớp quanh bề mặt sợi, vì vậy, vải chàm khi còn mới sẽ có độ cứng và đàn hồi. Sau khi sử dụng một thời gian, các phân tử màu dư thừa trên sợi trôi bớt, vải sẽ trở nên mềm mại hơn. Đây là đặc tính quan trọng quyết định sự tạo thành màu sắc và họa tiết của vải chàm người H'mông. Vải chàm không thể điều chỉnh nồng độ thuốc nhuộm để đạt màu

sẫm chỉ trong một lần nhuộm. Người ta cần lặp lại nhuộm và phơi vải nhiều lần, để các phân tử màu bám từng lớp vào sợi. Do đó, chàm có thể tạo ra rất nhiều sắc độ khác nhau của màu xanh, từ màu xanh lơ, xanh biếc cho đến xanh sẫm. Nhà thiết kế Vũ Thảo của thương hiệu Kilomet 109 đã tạo ra bảng 10 màu chàm từ nhạt đến đậm để sử dụng cho các sản phẩm thời trang sinh thái của cô.

Vì đặc điểm nhuộm nguội và màu không ngấm vào lõi sợi, chàm là thuốc nhuộm đặc biệt phù hợp với phương pháp tạo họa tiết vẽ sáp ong kháng nhuộm. Họa tiết sáp ong của người H'mông có nhịp điệu đặc trưng, bố cục đối xứng tâm hoặc đối xứng hàng lối rất dễ nhận biết. Thông thường, họ sẽ vẽ phủ kín bề mặt tấm vải, các họa tiết thường có hình ki hà. Chị Cứ Thị Nu người H'mông Đen chia sẻ: "Hoa văn chủ yếu là vẽ hoa này, hoặc là hình con vật,... cái thể hiện trên trang phục của mình là cái gì mà cuộc sống hàng ngày nhìn thấy như là hoa lá cành, trong những cái như là hình móng chó này, hoặc là hình móng lợn này, cái sàng này... Cơ bản là như thế"¹. Như vậy, có thể chia chủ đề của họa tiết làm 5 nhóm: cách điệu thực vật, cách điệu động vật, cách điệu công cụ lao động, cách điệu các thực thể tự nhiên và các họa tiết trang trí phụ trợ. Theo mô tả của người dân bản địa, không có chuẩn mực hay chủ đề cụ thể nào trói buộc khả năng sáng tác của người vẽ, chất lượng bản vẽ phụ thuộc vào năng khiếu của từng người. Nhưng trên thực tế, do đã thấm nhuần thói quen tạo hình bản địa từ khi còn nhỏ, các mẫu vẽ của người phụ nữ H'mông dù có biến tấu cũng không nằm ngoài các loại họa tiết và bố cục truyền thống của dân tộc. Các loại hoa văn của người H'mông thường có tính khái quát cao, lược bỏ các chi tiết rườm rà, chỉ để lại đặc trưng cơ bản nhất của sự vật. Vì vậy, chúng vừa có nét chất phác, thô sơ, nhưng cũng có tính cô đọng và mạch lạc, rất phù hợp với phương pháp vẽ sáp ong kháng nhuộm chỉ

¹ Chị Cứ Thị Nu, sinh năm 1983, Phó Giám đốc Trung tâm Truyền thông và Văn hóa huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái, phỏng vấn ngày 15/4/2022, dd.

có các màu đơn sắc trắng và xanh. Những họa tiết thủ công và màu sắc này đem lại tính bản địa và điểm nhấn cho sản phẩm. Bản thân những họa tiết này đã là tiếng nói bằng ngôn ngữ tạo hình, giới thiệu về xuất xứ, nguồn gốc và đặc điểm văn hóa, thẩm mỹ của nơi chúng sinh ra.

Có thể thấy, khi ứng dụng một vật liệu cho thời trang sinh thái, cần phải theo dõi quá trình vật liệu hình thành, nguyên liệu đầu vào và xả thải khi hoàn thiện. Ngoài sợi gai dầu và thuốc nhuộm chàm, để tạo thành một tấm vải chàm hoàn thiện còn cần đến các nguyên liệu khác như ngô, gạo tẻ hoặc tam giác mạch để hồ sợi, tro bếp củi để hỗ trợ kiềm màu khi nhuộm và luộc sợi, vôi bột để kết tủa thuốc nhuộm chàm, củ nâu và lá chàm đỏ để nhuộm tăng sắc tố cho vải. Có thể thấy, các chất phụ gia để làm vải chàm đều là các nguyên liệu đến từ tự nhiên, nên có rất ít khả năng tạo ra các chất thải độc hại. Vì vậy, nước thải của quá trình làm thuốc nhuộm chàm có thể tưới trực tiếp cho ruộng vườn, hay bã ngô, bã gạo sau khâu hồ sợi có thể làm thức ăn cho gia súc, gia cầm. Các nguyên liệu này sau khi hoàn thành việc phụ trợ cho dệt nhuộm được tận dụng tối đa cho các mục đích nông nghiệp khác (Hình 1).

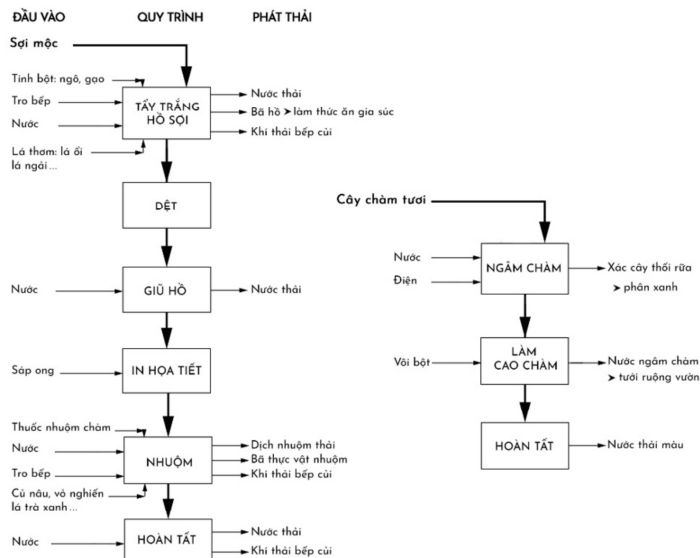
Bên cạnh những ưu điểm, vật liệu vải gai dầu nhuộm chàm của người H'mông vẫn tồn tại một số hạn chế như: dễ dàng bị phai

màu trong quá trình giặt tẩy; dễ nhăn nhàu khi gấp xếp, chất lượng họa tiết phụ thuộc vào kỹ năng của người vẽ sáp ong; chất lượng sợi dệt và màu nhuộm phụ thuộc nhiều vào các điều kiện tự nhiên trong thời gian cây sinh trưởng; khó có thể sản xuất số lượng lớn trong thời gian ngắn. Nhà thiết kế cần nắm vững những ưu và nhược điểm của vải để tối ưu hoá thiết kế, tạo sự cân bằng về sinh thái, thẩm mỹ, công năng và độ tiện dụng.

3.2. Đặc điểm thiết kế sản phẩm thời trang sử dụng vải gai dầu nhuộm chàm

Ngoài tính thân thiện với môi trường đến từ vật liệu, các yếu tố kiểu dáng sản phẩm, phương thức thiết kế và kỹ thuật tạo thành cũng cần chú trọng trong thời trang sinh thái, vì chúng là quá trình định hình nên công năng và thẩm mỹ của sản phẩm. Chỉ khi sản phẩm được thị trường đón nhận, khách hàng yêu thích và sử dụng lâu dài thì sản phẩm đó mới hoàn thành được vòng đời của nó đúng với ý nghĩa sinh thái, tiết kiệm tài nguyên và hữu dụng. Do đó, trong phần này, nghiên cứu hệ thống hoá ba yếu tố quan trọng, hỗ trợ cho thiết kế sinh thái sử dụng vật liệu vải chàm của người H'mông

Thứ nhất, về kiểu dáng: các thiết kế thời trang sinh thái làm từ vật liệu vải chàm của người H'mông thường có phom hình thang, hình chữ nhật hoặc hình vuông. Lý giải về điều này có hai nguyên nhân chủ yếu: đặc tính của vật liệu và thị hiếu người



Hình 1. Sơ đồ nguyên liệu đầu vào và phát thải khi hoàn thiện của vải gai dầu nhuộm chàm

tiêu dùng. Sợi gai dầu không có độ co giãn, khi được dệt theo phương pháp truyền thống, vật liệu đan, bền chắc nhưng hình dạng cũng cố định, không có khả năng co giãn. Vì vậy, các kiểu dáng ôm sát là không phù hợp. Bên cạnh đó, tâm lý của người tiêu dùng sinh thái thường ưa thích sự tự do, gần gũi với tự nhiên, nên hình mẫu thị hiếu của họ cũng có thiên hướng hướng tới các cấu trúc phóng khoáng, thả lỏng và dễ cử động. Các phom dáng hình thang hoặc hình chữ nhật, hình vuông ở đây không phải kiểu đóng hộp cơ thể người mặc trong một khung cố định, mà cho phép một không gian lớn với biên độ cử động rộng rãi.

Thứ hai, về phương pháp thiết kế: có nhiều cách thức để việc thiết kế vừa đáp ứng được tính hữu dụng vừa hướng tới các mục tiêu giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. Tính sáng tạo và sự linh hoạt của nhà thiết kế được coi là một trong những nhân tố quan trọng để thiết kế sinh thái. Bởi vì “con người không có vấn đề ô nhiễm, họ có vấn đề về thiết kế. Nếu con người sáng tạo ra các sản phẩm, công cụ... một cách thông minh hơn ngay từ đầu, thì họ thậm chí sẽ không cần phải suy nghĩ về vấn đề chất thải, ô nhiễm hoặc khan hiếm (tài nguyên)” [9]. Trong lịch sử, loài người đã sử dụng nhiều phương pháp truyền thống để tạo thành trang phục, các phương thức này thân thiện với môi trường và bền vững về mặt sinh thái. Trước Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, khi vải vóc còn có giá trị cao do năng suất thủ công còn thấp, con người tìm mọi cách để tiết kiệm vật liệu vải trong may mặc. Người Hy Lạp, La Mã và Ai Cập cổ đại sử dụng các kết cấu quấn, vắt, buộc để làm nên các bộ tunic, chiton và peplos mà gần như không cần đến đường cắt và không có vật liệu dư thừa. Chiếc sari truyền thống của Ấn Độ cũng là một thành quả của tư duy tiết kiệm vật liệu này. Mảnh vải làm sari thường được trang trí bằng nhiều hoa văn cầu kì, tốn nhiều công sức lao động, việc phải bỏ đi bất kì phần nào của tấm vải đều là lãng phí với quan niệm truyền thống. Người Á Đông phát triển phương pháp cắt thẳng để tạo thành trang phục từ các tấm

vải khổ nhỏ. Có thể thấy rõ hiệu quả tiết kiệm vật liệu trong kết cấu áo giao lĩnh, áo ngũ thân, áo tứ thân của người Việt; hay áo trực cư, áo phi phong, váy mã diện của người Trung Quốc. Đặc biệt, cách cắt may bộ kimono truyền thống của Nhật Bản được tính toán để không lãng phí bất cứ phần vải nào, tất cả các mảnh đều có giá trị sử dụng tạo thành các chi tiết của bộ áo.

Nhiều phương pháp thiết kế sinh thái ngày nay thực chất là sự chọn lọc, học hỏi và phát triển từ quá khứ. Các nhà thiết kế thời trang sinh thái trên vải chàm cũng không là ngoại lệ. Ở Việt Nam, hai phương pháp thiết kế giảm thiểu rác thải (zero-waste) và thiết kế nâng cấp (upcycle) được ưu tiên sử dụng nhiều hơn cả, vì chúng phù hợp với đặc tính của vật liệu vải gai dầu nhuộm chàm và dễ dàng được chấp nhận trong thẩm mỹ Á Đông.

Thiết kế giảm thiểu rác thải đặt mục tiêu tối thiểu hóa các phần vật liệu dư thừa sau thành phẩm. Theo nhà nghiên cứu Timo Rissanen, trung bình có khoảng 15% vật liệu sẽ thừa ra sau quá trình cắt và may [10]. Vì vậy, các cấu trúc thiết kế làm số dư thừa thấp hơn 15% được coi là giảm thiểu, mức độ giảm thiểu càng nhiều thì hệ số tận dụng nguyên vật liệu càng cao, và đạt mức tối đa khi hoàn toàn không có vật liệu dư thừa. Vải chàm của người H'mông có khổ vải nhỏ, vì thế, phương pháp cắt may với các đường thẳng thường được áp dụng. Các nhà thiết kế học hỏi các kết cấu cũ như giao lĩnh, ngũ thân nhưng làm mới chúng bằng các yếu tố hiện đại ở tỉ lệ dài ngắn, chi tiết trang trí tay áo, túi áo. Vì lấy từ cảm hứng Á Đông, nên những sản phẩm này gần gũi với văn hóa của người Việt và dễ dàng được thị trường chấp nhận hơn. Chẳng hạn, nhà thiết kế Chris Ty đã đưa các đường cắt của áo ngũ thân lập lĩnh của Việt Nam vào các thiết kế hiện đại, sáng tạo thành dạng áo ngắn ngang eo và phá cách ở phần cắt gấu (Hình 2).

Thiết kế nâng cấp sử dụng các vật liệu cũ, vật liệu dư thừa làm đầu vào, biến chúng thành sản phẩm mới có giá trị cao hơn giá trị trước đó, tận dụng khả năng của vật liệu và cho chúng vòng đời dài lâu hơn.



Hình 2. Thiết kế học hỏi cách cắt từ áo ngũ thân lập lĩnh của nhà thiết kế Chris Ty [11]



Hình 3. Ứng dụng thiết kế nâng cấp trên vải chàm của họa sĩ Phạm Hoàng Linh [12]

Hình thức này là sự học hỏi thái độ của con người thời xưa đối xử với vật liệu. Hơn 100 năm trước ở Việt Nam, có lẽ ít ai nghĩ đến việc vứt bỏ một chiếc áo đã cũ, hay đồ bỏ hàng đồng vải vụn dư thừa, họ sẽ tìm cách để tận dụng chúng vào các phần khác nhau trong đời sống. Ngày nay, các nhà thiết kế thời trang Việt có thể thu gom vải chàm cũ từ người H'mông bản địa hoặc từ chính các bao vải thừa trong xưởng của họ để làm vật liệu cho nâng cấp. Những mảnh vải này có thể được ghép lại thành một tấm vải lớn phục vụ cho một thiết kế mới ra đời, cũng có thể là một mảnh trang trí điểm nhấn trên trang phục. Ví dụ, họa sĩ Phạm Hoàng Linh đã sử dụng những miếng vải cũ ghép thành chiếc áo mới, và khéo léo kết hợp chúng như những mảng màu để “vẽ” bức tranh bằng vải trang trí cho sản phẩm của mình (Hình 3). Vải gai dầu nhuộm chàm bền và ít bai dãn, vì vậy, có thể chấp nhận nhiều đường ghép nối. Thậm chí, khi ghép các mảnh ngược chiều canh vải, ghép các đường cắt chéo với đường cắt dọc vải vẫn

không bị lồi lõm. Sự chấp vá ngẫu nhiên có chủ đích của nhiều mảnh vải kích cỡ, sắc độ và màu sắc khác nhau đem lại tính độc bản và vẻ đẹp phóng khoáng cho trang phục.

Thứ ba, về kỹ thuật tạo bề mặt: nhiều kỹ thuật thủ công như thêu, khâu đột, ghép vải, đắp vải hoặc chần bông được các nhà sáng tạo thời trang Việt tận dụng vì nước ta có nguồn nhân công dồi dào, số lượng thợ lành nghề lớn, có kỹ năng và kỹ thuật cao. Thời lượng các công việc thủ công lớn có thể làm thời gian sản xuất bị kéo dài, nhưng đồng thời, lại tăng thêm giá trị cho một sản phẩm thời trang, thậm chí, nâng cấp chúng thành sản phẩm cao cấp. Vì tính chất bề mặt ít bai dãn, kết cấu sợi ít bị xô lệch, vải chàm của người H'mông dễ dàng cho việc thêu, khâu, chần, ghép hơn là các vật liệu mỏng mềm như lụa tơ tằm. Bên cạnh việc tuân thủ các kỹ thuật truyền thống, các nhà thiết kế thời trang Việt không ngại thay đổi và sáng tạo. Họ tiếp thu thẩm mỹ hiện đại và thử nghiệm trong khâu sản xuất vải. Ví dụ, theo thẩm mỹ truyền thống của người H'mông

Đen, một tấm vải đẹp phải được nhuộm đều màu, xanh sẫm. Nhưng nhiều nhà thiết kế không tuân theo quy tắc này, họ tạo ra những mảnh vải màu xanh sáng hơn, các vệt màu loang lổ ngẫu nhiên. Họ kết hợp nhiều loại chất nhuộm tự nhiên như củ nâu, hoa cúc, gỗ tồ mộc, lá bàng, lá móng tay và nhiều loại lá và rễ cây khác để đa dạng bảng màu, tăng sắc độ và tính biểu cảm của màu sắc. Những hiệu ứng này phù hợp với người tiêu dùng trẻ có gu thẩm mỹ hiện đại. Mặt khác, việc vẽ sáp ong của người H'mông cho đến nay vẫn duy trì các loại họa tiết với lối tạo hình truyền thống, các nhà thiết kế lại sử dụng chính kỹ thuật đó để vẽ ra các kiểu trang trí vải hoàn toàn khác. Có thể là một bức tranh phá cách, cũng có thể là các đường kẻ ca-rô hoặc chấm bi hiện đại. Tức là, thay vì mua các loại vải có họa tiết sẵn ngoài thị trường, nhà thiết kế chủ động tạo ra loại họa tiết mà họ mong muốn. Hoặc, sự hấp dẫn của phương pháp kháng nhuộm buộc và kẹp (tie-dye) của người Nhật là nguồn cảm hứng cho một số nhà thiết kế thử nghiệm ứng dụng các kỹ thuật này vào quy trình nhuộm truyền thống của người H'mông, tạo ra các hoa văn mới và không mang tính bản địa. Mặc dù những đổi mới này đặt ra vấn đề liên quan đến các vấn đề như xâm hại tính nguyên bản của truyền thống và xung đột trong bảo tồn văn hóa, nhưng không thể phủ nhận sự tồn tại của chúng khiến vật liệu vải vẽ sáp ong kháng nhuộm dễ dàng tiếp cận với người tiêu dùng đại chúng hơn.

Như vậy, cần phải nhấn mạnh cả hai yếu tố đặc điểm vật liệu và đặc điểm thiết kế đều có ảnh hưởng lớn đến kết quả của sản phẩm thời trang sinh thái. Đối với những người tiêu dùng quan tâm đến môi trường, cảm nhận về thẩm mỹ thị giác là một trong các tiêu chí đánh giá sản phẩm, ngoài ra, họ còn cần các trải nghiệm về tính công năng, về nguồn gốc sản phẩm và đảm bảo tính sinh thái. Các nhãn hàng sẵn sàng minh bạch quy trình sản xuất và có câu chuyện thương hiệu đủ hấp dẫn sẽ có lợi thế cạnh tranh và thu hút được sự quan tâm nhiều hơn của người tiêu dùng.

4. Kết luận

Có thể thấy, thời trang sinh thái sử dụng vật liệu vải gai dầu nhuộm chàm là phương pháp tiếp cận hiệu quả đối với một sản phẩm thời trang. Các sản phẩm thời trang này được làm từ vật liệu thân thiện với môi trường, tất cả mọi khâu trong quá trình hình thành trang phục đều hướng tới mục tiêu sinh thái và tiêu dùng xanh. Các nhà thiết kế thời trang Việt, các cộng đồng làng nghề H'mông đang nỗ lực hết mình để duy trì nghề truyền thống và quảng bá nghệ thuật bản địa lồng ghép trong sản phẩm hiện đại, đồng thời, hướng ra quốc tế, khẳng định giá trị của sản phẩm thời trang sinh thái Việt Nam.

Từ việc xem xét các tài liệu thứ cấp, khảo sát thực tế và thực nghiệm, bài viết xác định có ba yếu tố chính trong việc ứng dụng vật liệu vải gai dầu nhuộm chàm truyền thống của người H'mông trong thời trang sinh thái. *Thứ nhất*, việc sản xuất vật liệu vải gai dầu nhuộm chàm tuân theo quy trình hầu như không tạo ra tác động có hại đến môi trường, các vật liệu tự nhiên được sử dụng có khả năng phân hủy và tái chế sinh học, khí thải và nước thải được tạo ra từ các quá trình sản xuất hầu như không đáng kể và không chứa hóa chất độc hại. *Thứ hai*, các phương pháp thiết kế giảm thiểu và nâng cấp được ứng dụng để đảm bảo tính sinh thái cho sản phẩm. Chúng đều được thực hiện dựa trên đặc tính của vật liệu và tiêu chí tôn trọng trải nghiệm vật chất (tính công năng tiện ích) cũng như tinh thần (nhu cầu đạo đức môi trường) của người dùng. *Thứ ba*, các kỹ thuật tạo bề mặt (ví dụ: ghép vải, đắp vải, thêu) tạo điều kiện cho việc kết hợp và tận dụng phong phú chủng loại vật liệu, hỗ trợ tối đa cho thiết kế giảm thiểu và nâng cấp. Về mặt sáng tạo kỹ thuật tạo bề mặt, nhà thiết kế đưa thêm các yếu tố đại chúng hoặc thẩm mỹ cá nhân vào vật liệu truyền thống, cho phép sản phẩm cuối cùng đổi mới hơn, độc đáo hơn và hấp dẫn thị giác hơn.

Việc sử dụng chất liệu truyền thống của vùng bản địa là một phương thức sản xuất thời trang sinh thái được ứng dụng

ở nhiều quốc gia trên thế giới. Các quốc gia như Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia đã ứng dụng vải chàm truyền thống của họ vào thời trang sinh thái và tạo ra những sản phẩm vừa mang tính thẩm mỹ, vừa thân thiện với môi trường. Đây là một hướng đi đã được thực hiện thành công đem lại ba lợi ích chính. Lợi ích đầu tiên là giảm thiểu lượng khí thải CO² khi rút ngắn được quá trình vận chuyển vật liệu từ nơi sản xuất đến nơi thiết kế và sản xuất thành phẩm. Lợi ích tiếp theo là có thể đem đặc trưng văn hóa bản địa vào trong các thiết kế hiện đại, tích hợp nét truyền thống vào sản phẩm thời trang, gián tiếp cổ vũ lòng yêu mến và tự hào dân tộc. Cuối cùng là lợi ích về văn hóa và xã hội. Khi nhu cầu tiêu thụ vải chàm truyền thống tăng cao, các nhóm địa phương biết nghề và giỏi nghề tìm được đầu ra cho sản phẩm, giúp gia tăng thu nhập. Từ đó, họ có động lực duy trì công việc làm vải, động lực truyền nghề cho con cháu, thúc đẩy bảo tồn nét văn hóa đang trên đà mai một này.

Hiện tại, người dân Việt Nam đã có nhận thức tốt hơn về các vấn đề môi trường và thay đổi dần thói quen mua sắm. “Xu hướng tiêu dùng đã dần chuyển sang các sản phẩm có thành phần đơn giản, có nguồn gốc từ thiên nhiên, không có thành phần gây

ung thư hoặc ảnh hưởng xấu đến sức khỏe” [13]. Tuy nhiên, thời trang sinh thái vẫn là thị trường ngách với nhu cầu nhỏ, luôn có khoảng cách giữa tâm lý nhận thức và thói quen hành động của khách hàng. Đây không phải vấn đề chỉ riêng ở Việt Nam mà còn trên toàn thế giới. Tại các quốc gia phát triển, nơi có chính sách về môi trường khắt khe và hoàn thiện hơn Việt Nam, thời trang sinh thái vẫn là một thị trường có qui mô khiêm tốn. Dù vậy, định hướng sinh thái là chiều hướng phát triển bền vững và tất yếu của xã hội hiện đại. Do đó, cần có nhiều nghiên cứu để lấp đầy khoảng trống lý thuyết và thực hành thiết kế, đặc biệt trong giáo dục thiết kế thời trang tại Việt Nam. Điều này giúp trang bị cho các nhà thiết kế những kiến thức và kỹ năng để tăng cường hiệu quả sáng tạo, giúp họ đối mặt với những thách thức và tận dụng những cơ hội hiện có, đồng thời, khẳng định vai trò tiên phong và lan toả tính bền vững trong thời trang [14]. Thông qua mỗi sản phẩm, nhà thiết kế truyền tải những thông điệp, kể câu chuyện về thời trang sinh thái, nâng cao mức độ nhận thức bảo vệ môi trường của người tiêu dùng, góp phần thúc đẩy phong cách sống xanh trong cộng đồng.

Tài liệu tham khảo

- [1]. European Commission (2022), *Communication from the commission to the European parliament, the council, the European economic and social committee and the committee of the regions On making sustainable products the norm*, Brussels.
- [2]. Quantis (2018), *Measuring Fashion: Environmental Impact of the Global Apparel and Footwear Industries Study*.
- [3]. Boucher, J., Friot, D. (2017), *Primary microplastics in the oceans*, IUCN, Gland, Switzerland.
- [4]. Kant, R. (2012), “Textile dyeing industry an environmental hazard”, *Natural Science*, vol. 4, no. 1, pp. 22-26.
- [5]. WCED (1987), *Our common future*, Oxford University Press, Oxford.
- [6]. Niinimäki, K. (2006), “Ecodesign and textiles”, *Research Journal of Textile and Apparel*, vol. 2006, no. 10, p. 67-75.
- [7]. Fletcher, K. (2014), *Sustainable Fashion and Textiles: Design Journeys*, Routledge.
- [8]. Kumar, R. (2017), “Prospects of Sustainable Fashion Design Innovation”, *International Journal of Textile and Fashion Technology*, vol. 7, no. 6, pp. 5-14.
- [9]. McDonough, W., Braungart, M. (2013), *The Upcycle*, North Point Press.

[10]. Rissanen, T. (2005), “From 15% to 0: Investigating the creation of fashion without the creation of fabric waste”, in *Designer Meets Technology conference*, Copenhagen.

[11]. More than Blue's fanpage, “Mùa mặc nua”, 5/7/2021, <https://www.facebook.com/More-Than-Blue/>, [Accessed 24 5 2022].

[12]. Linht Handicraft's fanpage, <https://www.facebook.com/linht.handicraft/>, [Accessed 24 5 2022].

[13]. Viện Chiến lược và Chính sách tài chính (2018), *Tài chính Việt Nam 2018 - Dịch chuyển bao trùm, phát triển bền vững*, Nxb Tài chính.

[14]. Bui, M. T. (2020), *Design for sustainability in fashion. A consolidated knowledge-base and know-how for environmentally and socio-ethically sustainable Accessory Design*, Doctor thesis, Politecnico di Milano, Italy.